

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẦU NGANG  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/HNGĐ-ST

Ngày 29/9/2021.

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lý Thanh Lâm.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Tấn Sĩ.

Ông Nguyễn Hoàng Nam.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kim Đây, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tấn An – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 289/2021/TLST-HNGĐ, ngày 29/4/2021, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2021/QĐXXST-HN, ngày 14/7/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2021/QĐST-HN, ngày 29/7/2021; Thông báo số: 02/TB-TA, ngày 01/9/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2021/QĐST-HN, ngày 14/9/2021 và Thông báo số: 03/TB-TA, ngày 14/9/2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Thạch Thị Mỹ P, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

*Bị đơn:* Anh Kiên Quốc T, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp L, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt lần thứ 2, không lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/4/2021 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Thạch Thị Mỹ P trình bày:*

- *Về hôn nhân*: Chị và anh T xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 05/02/2013 tại UBND xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn. Khi tiến đến hôn nhân, chị và anh T quen nhau khoảng 03 năm mới tiến đến hôn nhân, có làm lễ cưới theo phong tục tập quán, nữ trang ngày cưới đã bán hết không còn.

Sau ngày cưới vợ chồng cùng đến ấp L, xã T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai làm nghề gỗ, sống ở nhà trọ, năm 2015 chị sinh con non ngày tháng bị chết, đến năm 2018 chị mới sinh con tên Kiên Thị Phương V và trở về quê sinh sống, còn anh T vẫn ở nhà trọ đi làm. Sáu tháng sau chị trở lại xưởng gỗ làm thuê thì phát hiện anh T không đi làm nữa, anh gây ra nợ nần (*chị phải trả nợ thay*), lúc này anh T không quan tâm đến vợ, con, tiền lương tiêu xài 01 mình, chị nói nếu anh không lo gia đình thì về quê chăm sóc con, từ đó dẫn đến gây gỗ, cãi vã với nhau, anh T bỏ đi, không chung sống với chị, không liên lạc với nhau, vợ chồng ly thân từ tháng 3 năm 2019 đến nay, khoảng vài tháng thì anh T có ghé thăm con 01 lần, cho ít tiền rồi tiếp tục bỏ đi. Sự việc xảy ra, cha mẹ hai bên hay biết, nhưng không ý kiến. Nay chị yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Kiên Quốc T, vì tình cảm không còn.

- *Về nuôi con tên*: Kiên Thị Phương V, sinh ngày 28/9/2018, chị xin được quyền nuôi dưỡng con khi ly hôn.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả*: Chị không tranh chấp, không khởi kiện. Ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa lần thứ hai, bị đơn anh Kiên Quốc T vắng mặt, không lý do nên không có lời trình bày.

*Lời phát biểu của Kiểm sát viên.*

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng được tổng đạt và giao nhận đầy đủ. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị P, xử cho chị P được ly hôn với anh T, giao con tên Kiên Thị Phương V, sinh ngày 28/9/2018 cho chị P được quyền nuôi dưỡng khi ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả, do các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết. Về án phí hôn nhân sơ thẩm chị P được miễn nộp án phí.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy tại phiên tòa lần thứ 02 nguyên đơn chị Thạch Thị Mỹ P vắng mặt và có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh Kiên Quốc T vắng mặt lần thứ 2 không lý do. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy chị P khởi kiện anh T yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh T, chị xin được quyền nuôi dưỡng con khi ly hôn, ngoài ra không yêu cầu gì khác. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật giải quyết là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

- *Về hôn nhân*: Xét thấy chị P và anh T xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 05/02/2013 tại UBND xã Nhị T, huyện C, tỉnh Trà Vinh, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn, từ đó xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng:

*Tại các bản khai, trong quá trình giải quyết vụ án chị P khai*: Sau ngày cưới vợ chồng cùng đến ấp L, xã T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai làm nghề gỗ, sống ở nhà trọ, năm 2015 chị sinh con non ngày tháng bị chết, đến năm 2018 chị mới sinh con tên Kiên Thị Phương V và trở về quê sinh sống, còn anh T vẫn ở nhà trọ đi làm. Sáu tháng sau chị trở lại xưởng gỗ làm thuê thì phát hiện anh T không đi làm nữa, anh gây ra nợ nần (*chị phải trả nợ thay*), lúc này anh T không quan tâm đến vợ, con, tiền lương tiêu xài 01 mình, chị nói nếu anh không lo gia đình thì về quê chăm sóc con, từ đó dẫn đến gây gổ, cãi vã với nhau, anh T bỏ đi, không chung sống với chị, không liên lạc với nhau, ly thân từ tháng 3 năm 2019 đến nay. Nay chị yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Kiên Quốc T, vì tình cảm không còn.

Đối với anh Kiên Quốc T, Tòa án giao Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho cha ruột anh (*ông Kiên T1*) nhận thay và ông Kiên T trình bày có thông báo cho anh T biết rõ là chị P làm khởi kiện gửi đến Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn với anh, tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải anh T đều vắng mặt không lý do và hôm nay tại phiên tòa lần thứ 2, anh T tiếp tục vắng mặt không lý do, anh T cũng không gửi văn bản ý kiến của mình về quan hệ hôn nhân mà chị P khởi kiện yêu cầu giải quyết, từ đó cho thấy khả năng hàn gắn đoàn tụ vợ chồng là không có kết quả.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ tháng 3 năm 2019 đến nay, chị P và anh T đều bỏ mặt, không quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng, mạnh ai nấy sống, đã ly thân gần 03 năm, chị P xác định tình cảm không còn và cương quyết xin ly hôn, từ đó xét thấy mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị P và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị P, xử cho chị P được ly hôn với anh T là đúng quy định pháp luật.

- *Về nuôi con:* Xét thấy chị P và anh T chung sống sinh 01 người con tên Kiên Thị Phương V, sinh ngày 28/9/2018, con đang sống với chị P, trong thời gian ly thân, chị P chăm sóc, nuôi dưỡng con chu đáo về mọi mặt, tính đến nay cháu V mới tròn 03 tuổi và chị P có yêu cầu xin được quyền nuôi dưỡng con khi ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, anh T không gửi văn bản cho Tòa án biết ý kiến của anh về quyền nuôi con khi ly hôn. Căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao con tên Kiên Thị Phương V, sinh ngày 28/9/2018 cho chị P được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng khi ly hôn là phù hợp với quy định pháp luật.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:* Quá trình giải quyết vụ án chị P và anh T không tranh chấp, không khởi kiện. Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Theo quy định pháp luật chị P phải nộp 300.000 đồng, do chị P là người dân tộc thiểu số, sống ở xã N, huyện C thuộc xã đặc biệt khó khăn, chị Phương có làm đơn xin miễn nộp tiền án phí. Căn cứ các Điều 12, 14, 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị P được miễn nộp án phí. Về số tiền tạm ứng án phí do chị Thạch Thị Mỹ P được miễn nộp nên không xử lý.

[5]. Xét lời của Kiểm sát viên trình bày về trình tự thủ tục tố tụng và hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 228; 235, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 12, 14, 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Thạch Thị Mỹ P.

- *Về hôn nhân:* Xử cho chị Thạch Thị Mỹ P được ly hôn với anh Kiên Quốc T.

- *Về nuôi con:*

+ Chị Thạch Thị Mỹ P được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Kiên Thị Phương V, sinh ngày 28/9/2018, khi ly hôn.

+ Anh Kiên Quốc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được

cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Chị Thạch Thị Mỹ P được miễn nộp án phí.

- *Về quyền kháng cáo*: Chị Thạch Thị Mỹ P và anh Kiên Quốc T vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- UBND xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lý Thanh Lâm**